

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2019/HS-ST**

Ngày 09/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Duy Khương**

2/ Bà **Huỳnh Phương Lan**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lý Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2019/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Thu B, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Khu phố K, thị trấn L, huyện K, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Mua bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Con ông Trần Văn U, sinh năm 1945 (chết) và bà Lê Thị T; sinh năm 1947; Chồng tên Huỳnh Văn T; sinh năm 1968 và có 04 người con lớn nhất sinh năm 1985 và nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2019 đến ngày 25/3/2019 thì được tại ngoại để điều tra đến ngày hôm nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Ông Nguyễn Tấn Tr; sinh năm 1972 (có mặt)

Trú tại: Số 12 C, khu phố 1, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Mai Thị M, sinh năm 1990.
(vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 1, phường T, thành phố H, Kiên Giang.

Người làm chứng: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn L, huyện K, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 21 tháng 10 năm 2017 ông Nguyễn Tấn Tr có nhờ chị Mai Thị M chuyển 60.000.000 đồng (VNĐ) để trả nợ cho người quen tên D ở thành phố Vũng Tàu thì M đồng ý. Nhưng do sơ xuất trong việc đọc tin nhắn Zalo qua hình ảnh của D chụp gửi đến có 02 số tài khoản tên Trần Kiều O và Trần Thị Thu B nên Tr lấy số tài khoản 070058671418 tên Trần Thị Thu B địa chỉ ở ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang đưa cho M đến Ngân hàng Sacombank chi nhánh phòng giao dịch H chuyển tiền trả cho D. Khi M chuyển tiền xong, Thu B liền nhận được điện thoại của Huỳnh Văn M (người làm thuê cho Thu B) cho hay đã nhận được 60.000.000 đồng từ người chuyển tiền tên Mai Thị M. Do D chưa nhận được tiền nên Tr kiểm tra lại phiếu chuyển đã phát hiện chuyển nhầm vào số tài khoản tên chủ thẻ là Trần Thị Thu B, nên vào khoảng 17 giờ cùng ngày Tr đến ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang nơi Thu B thuê kinh doanh để tìm Thu B xin nhận lại số tiền trên nhưng không gặp mặt Thu B mà gặp Huỳnh Văn T (chồng của Thu B). Khi đó T điện thoại thông báo cho Thu B hay về việc Tr có chuyển nhầm 60.000.000 đồng vào tài khoản của Thu B, Thu B biết Tr đã chuyển tiền nhầm vào tài khoản của mình nhưng không kêu M chuyển trả lại cho Tr, mà sau đó B kêu M đến Ngân hàng Sacombank chi nhánh phòng giao dịch R rút hết số tiền Tr chuyển nhầm cho Thu B đem trả nợ cho chủ nợ và công nhân (đều không xác định rõ họ tên và địa chỉ) hết rồi, đồng thời Thu B hứa hẹn với Tr đến cuối tháng 11 năm 2017 sẽ trả lại cho Tr

Theo kết quả cung cấp thông tin về số tài khoản 070058671418 tên khách hàng là Trần Thị Thu B của Ngân hàng Sacombank chi nhánh phòng giao dịch H thể hiện thời gian từ **“09 : 14 : 40 đến 09 : 21 : 03 ngày 22/10/2017”** có 06 lần thực hiện giao dịch rút tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng. Như vậy, tại thời điểm khoảng 17 giờ ngày 21 tháng 10 năm 2017 thì số tiền trên Thu B vẫn còn giữ trong tài khoản nhưng Thu B không đồng ý trả lại cho Tr.

Sau khi bị Thu B chiếm giữ tài sản và không đồng ý trả lại, nên ngày 25 tháng 12 năm 2017 Nguyễn Tấn Tr làm đơn tố giác hành vi của Trần Thị Thu B đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H (thành phố H), tỉnh Kiên Giang. Ngày 27 tháng 02 năm 2018 Trần Thị Thu B bị Cảnh sát điều tra Công an thị xã H (thành phố H), tỉnh Kiên Giang khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Thu B về hành vi Chiếm giữ trái phép tài sản.

Trong quá trình điều tra Trần Thị Thu B đã bỏ trốn khỏi địa phương. Sau một thời gian lẩn trốn, B bị bắt theo quyết định truy nã.

*** Về vật chứng trong vụ án:** 01 giấy nộp tiền số TT17294F9S43 ngày 21 tháng 10 năm 2017 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) phòng giao dịch H, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Kiên Giang đưa vào hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 60.000.000 đồng, Thu B khai nhận đã sử dụng hết vào việc trả nợ cho các công nhân đều không rõ họ tên và địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không tiến hành thu hồi được.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Sau khi vụ án bị phát hiện, bị hại Nguyễn Tấn Tr yêu cầu bị can Trần Thị Thu B phải trả lại cho bị hại số tiền mà Thu B đã chiếm đoạt là 60.000.000 đồng. Bị can đồng ý trả lại nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT- VKS- CT ngày 20/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Thị Thu B về tội: “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Thị Thu B phạm tội: “Chiếm giữ trái phép tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị Thu B** từ 06 đến 09 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX xử buộc bị cáo Trần Thị Thu B phải trả lại cho bị hại Nguyễn Tấn Tr số tiền mà Thu B đã chiếm đoạt là 60.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiền hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu cũng như kết quả điều tra của Cơ quan điều tra và bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, thể hiện: Huỳnh Văn M là người làm công của bị cáo có thông báo cho bị cáo việc đã nhận được 60.000.000 đồng, từ người chuyển tiền tên Mai Thị M. Khi Tấu là chồng bị cáo điện thoại thông báo cho chị cáo hay về việc Tr có chuyển nhầm 60.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo, bị cáo biết Tr đã chuyển tiền nhầm vào tài khoản của mình nhưng không kêu M chuyển trả lại cho Trung, mà sau đó bị cáo kêu M đến Ngân hàng Sacombank chi nhánh phòng giao dịch R rút hết số tiền Tr chuyển nhầm cho bị cáo đem trả nợ hết cho chủ nợ và công nhân (đều không xác định rõ họ tên và địa chỉ), việc trên cũng đã được phía Ngân hàng xác nhận là thời gian từ **“09 : 14 : 40 đến 09 : 21 : 03 ngày 22/10/2017”** có 06 lần thực hiện giao dịch rút tiền tổng cộng là 60.000.000 đồng. Đồng thời bị cáo hứa hẹn với Tr đến cuối tháng 11 năm 2017 sẽ trả lại cho Tr nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Như vậy, hành vi kêu M rút hết tiền được chuyển nhầm vào tài khoản của bị cáo B để trả cho chủ nợ của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” như đã viện dẫn ở trên.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản thuộc sở hữu của người khác. Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực, nhận thức biết rằng “Chiếm giữ trái phép tài sản” của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Khi nhận được tiền do chị M chuyển đến tài khoản của bị cáo, bị cáo biết chị M đã chuyển nhầm vào số khoản tiền của bị cáo, nhưng vì lòng tham bị cáo đã bất chấp và chiếm giữ số tiền không phải là tài sản của bị cáo để sử dụng số tiền đó chi xài cá nhân. Mặt khác trong giai đoạn điều tra bị cáo bỏ trốn không biết ở đâu nên Công an đã ra Quyết định truy nã đối với bị cáo trong một thời gian nhất định mới bắt được để điều tra tiếp, thể hiện việc bị cáo cố tình né tránh, gây khó khăn cho công tác điều tra. Với hành vi phạm tội nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần xử phạt bị cáo bằng một mức án nghiêm để răn đe, giáo dục và cũng nhằm phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo chưa có thành khẩn khai báo, chưa ăn năn hối cải, do đó không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, tuy nhiên nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hơn nữa tại phiên tòa người bị hại cũng yêu cầu cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt khi lượng hình cho bị cáo là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận đề xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn Tr xác nhận bị cáo Trần Thị Thu B chưa khắc phục việc trả lại toàn bộ số tiền là 60.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của ông nhưng ông đồng ý cho bị cáo trả cho ông số tiền trên trong thời hạn là 01 năm kể từ ngày xét xử. Xét yêu cầu của ông Tr là hoàn toàn phù hợp nên HĐXX ghi nhận.

[7] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 176; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu B phạm tội: “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thu B 06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ thời giam tạm giam từ ngày 24/01/2019 đến ngày 25/3/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự. Xử buộc bị cáo Trần Thị Thu B có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn Tr số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr về việc cho bị cáo Trần Thị Thu B trả cho số tiền nêu trên trong thời hạn là 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử buộc bị cáo Trần Thị Thu B phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Thị Thu B phải nộp 3.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện C ;
- Công An huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Lưu.

Đoàn Văn Thập